

Số: **204** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **12** tháng **9** năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện pháp luật bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Ninh và Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở

Thực hiện Quyết định thanh tra số 314/QĐ-TTr ngày 18/7/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Ninh và Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở, Đoàn thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp đã tiến hành thanh tra tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi là Sở) và Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi là Trung tâm). Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 22/8/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

1. Khái quát chung

1.1. Thông tin về địa phương

- Bắc Ninh có diện tích tự nhiên 822,7 km², dân số 1.462.945 người. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 16 khu công nghiệp và 33 cụm công nghiệp, trong đó có 10 khu công nghiệp và 23 cụm công nghiệp đang hoạt động. Tổng số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh tại thời điểm 30/6/2022 là 10.919 đơn vị (số liệu do cơ quan thuế của tỉnh cung cấp).

- Năm 2021, tổng số đơn vị sử dụng lao động đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN) là 9.338/10.919 đơn vị thuộc diện phải tham gia (chiếm 85,52%); tổng số đơn vị sử dụng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là BHTN) là 7.404/8.985 đơn vị sử dụng lao động thuộc diện phải tham gia (chiếm 82,40%).

- 06 tháng đầu năm 2022, tổng số đơn vị sử dụng lao động đã tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD - BNN là 9.555/10.439 đơn vị thuộc diện phải tham gia (chiếm 91,53%); tổng số đơn vị sử dụng lao động tham gia BHTN là 7.432/8.316 đơn vị (chiếm 89,36%).

1.2. Thông tin chung về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Cơ cấu tổ chức của Sở gồm:

+ Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

+ 09 Phòng chuyên môn: Văn phòng, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Chính sách lao động, Phòng Bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội, Phòng Người có công, Phòng Dạy nghề, Phòng Việc làm, Phòng Bảo vệ trẻ em và bình đẳng giới và Thanh tra.

+ 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, trong đó, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm tiếp nhận, trình Lãnh đạo Sở giải quyết các chế độ về BHTN.

- Cơ cấu tổ chức của Trung tâm: Ban lãnh đạo gồm Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; 05 phòng nghiệp vụ; tổng số viên chức, người lao động của Trung tâm là 59 người, trong đó: 39 viên chức, 20 người lao động. Có 18 người lao động hưởng lương từ quỹ BHTN.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

2.1. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BHTN

2.1.1. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN

Trong thời kỳ thanh tra, Sở không tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là UBND tỉnh) ban hành văn bản về thực hiện chính sách pháp luật về BHTN.

2.1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN

Sở giao Trung tâm trực tiếp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHTN. Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm đã thực hiện như sau:

- Năm 2021: in, phát 6.000 tờ rơi; 80 băng rôn và 10 pano có nội dung tuyên truyền về việc làm và BHTN; tổ chức tuyên truyền bằng hình thức phát thanh lưu động thông tin tuyên truyền chính sách việc làm, BHTN tại khu dân cư, khu công nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố và tuyên truyền chính sách BHTN trực tiếp khi người lao động đăng ký hưởng chế độ BHTN.

- 06 tháng đầu năm 2022: chưa thực hiện tuyên truyền do chưa được cấp kinh phí.

2.1.3. Công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách BHTN

Sở đã chỉ đạo Trung tâm thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHTN; bố trí nhân sự, cơ sở vật chất để thực hiện chính sách BHTN; giám sát hoạt động tiếp nhận, thẩm định hồ sơ giải quyết chế độ BHTN theo quy định. Sở đã ban hành Công văn số 212/SLĐTĐBXH-VL ngày 02/02/2021 và Công văn số 1737/SLĐTĐBXH-VL ngày 22/7/2021 về việc triển khai hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.

2.1.4. Công tác phối hợp trong việc thực hiện chính sách BHTN

Sở và Bảo hiểm xã hội tỉnh (sau đây gọi là BHXH tỉnh) đã xây dựng Quy chế phối hợp số 359/QĐPH-SLĐTBXH-BHXH ngày 01/4/2016 trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN và Quy chế phối hợp số 413/QĐPH-

SLĐTBXH-BHXH ngày 15/3/2018 trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH.

Tuy nhiên, Quy chế phối hợp số 359/QĐPH-SLĐTBXH-BHXH xây dựng từ năm 2016 do đó một số văn bản áp dụng tại Quy chế đã hết hiệu lực, như:

Tại Điều 7 Quy chế phối hợp quy định trách nhiệm của Sở thực hiện theo Điều 38 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi là Nghị định 28), nội dung trên đã được sửa đổi tại Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 28 (sau đây gọi là Nghị định 61); tại khoản 4 Điều 9 quy chế quy định trách nhiệm của cơ quan BHXH căn cứ khoản 2, Điều 12 Nghị định 28, dung trên đã được sửa đổi tại Nghị định 61.

2.1.5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện pháp luật về BHTN

- Sở thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND tỉnh theo quy định.

- Trung tâm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, quý, năm và các báo cáo nhanh về Sở và Cục Việc làm theo quy định.

2.1.6. Lưu trữ hồ sơ BHTN

Sở giao Trung tâm thực hiện lưu trữ hồ sơ BHTN đối với từng người lao động, sắp xếp theo thứ tự thời gian, thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết chế độ.

2.2. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và ban hành quyết định thực hiện chế độ BHTN

Trong thời kỳ thanh tra, đã tiếp nhận, thẩm định và quyết định thực hiện các chế độ BHTN cho người lao động như sau:

- Tổng số hồ sơ đề nghị hưởng BHTN là 15.426 hồ sơ; số hồ sơ được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp là: 14.615 hồ sơ, cụ thể:

TT	Nội dung	Năm 2021	06 tháng đầu năm 2022	Tổng
1	Số người đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp	9.410	6.016	15.426
2	Số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp	9.352	5.263	14.615
3	Số người chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đi địa phương khác	24	5	29

4	Số người tiếp nhận hưởng trợ cấp thất nghiệp về địa phương	22	29	51
5	Số người tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	467	311	778
6	Số người tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	185	139	324
7	Tổng số tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp (triệu đồng)	190.582	115.473	306.055

- Thời hạn giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (sau đây viết tắt là TCTN) 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Số người chấm dứt hưởng TCTN: 1.231 người, trong đó: năm 2021, có 876 người; 06 tháng đầu năm 2022, có 355 người.

- Số người bị hủy hưởng TCTN: 631 người, trong đó năm 2021, có 439 người; 06 tháng đầu năm 2022, có 192 người.

- Việc chuyển sổ BHXH của người lao động cho BHXH tỉnh trong trường hợp sau 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn trả kết quả mà người lao động không đến Trung tâm nhận lại sổ BHXH: không phát sinh.

- Việc thu hồi tiền hưởng TCTN không đúng quy định:

Năm	Phải thu hồi		Đã thu hồi		Còn phải thu hồi	
	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)
2021	79	652.415.971	72	573.489.571	7	78.926.400
06 tháng đầu năm 2022	43	336.147.340	35	248.650.340	8	87.497.888
Cộng	122	988.563.311	107	822.139.911	15	166.424.288

(Chi tiết danh sách người hưởng TCTN sai còn phải thu hồi nêu tại Phụ lục 1)

Kiểm tra 700 hồ sơ hưởng TCTN tại Trung tâm, kết quả:

- Tại mục ngày thông báo tìm kiếm việc làm tháng thứ nhất tại Phụ lục đính kèm Quyết định hưởng TCTN, Trung tâm ghi 01 ngày là không đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực

hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định 28 (sau đây gọi là Thông tư 28).

- Thời hạn ban hành quyết định tiếp tục hưởng TCTN của một số trường hợp còn chậm (quá 02 ngày làm việc) so với thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 28 (Quyết định số 4830/QĐ-SLĐTBXH-TCTN ngày 22/7/2021 và Quyết định số 8321/QĐ-SLĐTBXH-TCTN ngày 16/11/2021 của Sở).

- Chưa thực hiện lưu công văn gửi BHXH tỉnh về việc tiếp tục thực hiện chi trả TCTN tại hồ sơ chuyển hưởng TCTN về địa phương.

2.3. Tình hình quyết toán chi phí quản lý BHTN

2.3.1. Tình hình quyết toán chi phí quản lý BHTN

* Năm 2021:

- Tổng kinh phí giao được sử dụng:	3.847.057.000 đồng
+ Chi thường xuyên:	2.422.957.000 đồng
+ Chi thường xuyên đặc thù:	1.314.300.000 đồng
+ Chi không thường xuyên:	109.800.000 đồng
- Tổng kinh phí đề nghị quyết toán:	3.028.457.000 đồng
+ Chi thường xuyên:	2.100.694.750 đồng
+ Chi thường xuyên đặc thù:	433.000.700 đồng
+ Chi không thường xuyên:	93.310.000 đồng
- Tiết kiệm chi tăng thêm và các ngày lễ, tết:	401.451.550 đồng
Dư chuyển năm sau thực hiện:	818.600.000 đồng

* Năm 2022:

- Kinh phí tạm cấp đến 30/06/2022:	1.768.551.000 đồng
+ Kinh phí chi hoạt động quản lý BHTN:	1.236.951.000 đồng
+ Kinh phí mua sắm sửa chữa tài sản:	159.000.000 đồng
+ Kinh phí scan hồ sơ BHTN:	372.600.000 đồng
- Kinh phí đã sử dụng đến 30/06/2022:	685.490.706 đồng
+ Chi thường xuyên:	616.316.706 đồng
+ Chi không thường xuyên:	69.174.000 đồng

2.3.2. Việc chấp hành các quy định của Nhà nước về sử dụng nguồn kinh phí BHTN:

- Trung tâm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo Quyết định số 13/QĐ-TTĐVVL ngày 23/3/2021: tại khoản 3 Điều 4 Quy chế ghi "Căn cứ vào tổng mức tiền lương 0,8 của 18 định suất BHTN được Cục Việc làm giao và các nguồn kinh phí được cấp. Giám đốc Trung tâm quyết định mức chi tiền lương đặc thù thường xuyên hàng tháng cho cán bộ hưởng lương từ nguồn kinh phí BHTN, cán bộ thực hiện công tác BHTN... theo phân công nhiệm vụ".

- Trung tâm chi lương đặc thù cho người lao động thực hiện chính sách BHTN bằng 0,3 lần lương cơ bản + phụ cấp chức vụ và chi lương tăng thêm 0,3 lần lần lương cơ bản + phụ cấp chức vụ cho 20 người lao động ngoài định suất.

- Kinh phí quản lý BHTN tiết kiệm được năm 2021 là 401.451.550 đồng, Trung tâm chi thu nhập tăng thêm và chi phúc lợi cho viên chức, người lao động của Trung tâm.

2.4. Tư vấn, giới thiệu việc làm

- Việc bố trí nhân sự, cơ sở vật chất để tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người hưởng BHTN: Sở đã chỉ đạo Trung tâm bố trí 04 người lao động làm nhiệm vụ tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động đến đăng ký hưởng BHTN tại khu vực sàn giao dịch việc làm.

- Sở, Trung tâm chú trọng công tác tư vấn, giới thiệu việc làm bằng việc vận hành sàn giao dịch việc làm trực tuyến: Năm 2021, tổ chức được 12 phiên giao dịch việc làm; 06 tháng đầu năm 2022, tổ chức được 10 phiên giao dịch việc làm; vào thứ 5 hàng tuần, Trung tâm tổ chức các phiên giao dịch trực tiếp tại sàn giao dịch việc làm của Trung tâm.

- Số người được tư vấn giới thiệu việc làm/số người hưởng BHTN: 15.477/14.615 người.

- Số người hưởng BHTN có nhu cầu tư vấn, giới thiệu việc làm/số người hưởng BHTN: 8.331/14.615 người. 100% người hưởng BHTN có nhu cầu tư vấn giới thiệu việc làm được Trung tâm tư vấn, giới thiệu việc làm.

2.5. Hỗ trợ học nghề (sau đây viết tắt là HTHN)

2.5.1. Hỗ trợ học nghề đối với người lao động

* Trong thời kỳ thanh tra, có 03 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia dạy nghề cho người lao động hưởng TCTN; có 106 người hưởng TCTN đăng ký và được HTHN, trong đó: 89 người tham gia các khóa học, 17 người không tham gia khóa học, cụ thể:

TT	Tên cơ sở dạy nghề	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2022			
		Số người có QĐ	Số tiền (đồng)	Số người tham gia khóa học	Số tiền (đồng)
1	Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	12	48.000.000	03	12.000.000
2	Trường Trung cấp Y Dược Thăng Long	24	94.500.000	17	68.500.000
3	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Đông đô	70	309.000.000	69	304.500.000
	Cộng	106	451.500.000	89	385.000.000

- Thời gian học nghề: Từ 01 đến 05 tháng.

- Mức hỗ trợ học nghề: từ 01/01/2021 đến 14/5/2021 là 1 triệu đồng/người/tháng; từ 15/5/2021 đến thời điểm thanh tra là 1,5 triệu đồng/người/tháng.

- Thời hạn giải quyết đề nghị hỗ trợ học nghề: thực hiện đúng quy định.

* Kiểm tra hồ sơ HTHN của người lao động, kết quả:

- Có 59 người hưởng TCTN được HTHN lái xe B2 (*Phụ lục 2*), thời gian hỗ trợ 03 tháng, nhưng thời gian khóa học nghề thực tế và thời gian ghi trong quyết định hỗ trợ lớn hơn 03 tháng (khóa học nghề từ ngày 09/4/2021 đến ngày 11/7/2021 là 94 ngày, từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/4/2022 là 94 ngày, từ ngày 26/01/2022 đến 29/4/2022 là 94 ngày, từ ngày 14/4/2022 đến ngày 16/7/2022 là 94 ngày, từ ngày 12/5/2022 đến ngày 13/8/2022 là 92 ngày) không đúng quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 77/2014/QĐ- TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng chính phủ quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia BHTN (sau đây viết tắt là Quyết định 77) và khoản 1 Điều 3 Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia BHTN sau đây viết tắt là Quyết định 17). Tổng số tiền hỗ trợ thiếu cho 59 người là 47.250.000 đồng, trong đó: 12 người đã được hỗ trợ nhưng còn thiếu 1.000.000 đồng/người (hỗ trợ trước ngày 15/5/2021 theo Quyết định 77), 47 người đã được hỗ trợ nhưng còn thiếu 750.000 đồng/người (hỗ trợ sau ngày 15/5/2021 theo Quyết định 17).

- Quyết định số 18/QĐ-SLĐTBXH-HTHN ngày 18/02/2022 của Giám đốc Sở về việc HTHN cho bà Chu Thị Mai học nghề chăm sóc da ghi thời gian khóa học nghề từ ngày 21/2/2022 đến 20/5/2022 (03 tháng), nhưng trong quyết định ghi hỗ trợ học nghề 04 tháng.

2.5.2. *Hỗ trợ, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động*: không phát sinh.

2.5.3. *Việc thu hồi tiền hỗ trợ học nghề không đúng quy định*: không phát sinh.

2.6. Công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN

2.6.1. Công tác thanh tra thực hiện pháp luật BHTN:

- Trong kỳ báo cáo, Sở đã thanh tra pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động trong đó có nội dung về BHXH, BHTN đối với 08 doanh nghiệp, kết quả:

+ 04 doanh nghiệp tham gia BHXH, BHTN đầy đủ cho người lao động thuộc diện phải tham gia bắt buộc.

+ 02 doanh nghiệp chậm đóng BHXH, BHTN trong thời gian 02 tháng.

+ 02 doanh nghiệp chậm đóng BHXH, BHTN trên 03 tháng (Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1244/QĐ-XPVPHC ngày 13/10/2021 đối với 01 doanh nghiệp; 01 doanh nghiệp dừng hoạt động và đang thực hiện các thủ tục giải thể).

2.6.2. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN: Không phát sinh

3. Kết luận

3.1. Những quy định của pháp luật về BHTN đã được Sở và Trung tâm thực hiện

3.1.1. Đã thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách pháp luật về BHTN với nội dung và hình thức tuyên truyền đa dạng.

3.1.2. Đã triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về BHTN và khi có vụ việc phát sinh.

3.1.3. Đã phối hợp với cơ quan BHXH để thực hiện chính sách pháp luật về BHXH, BHTN trên địa bàn.

3.1.4. Đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, lưu trữ hồ sơ về BHTN đúng quy định.

3.1.5. Đã tiếp nhận, thẩm định và ban hành quyết định hưởng TCTN cho 100% lao động đủ điều kiện hưởng.

3.1.6. Thời hạn giải quyết hưởng TCTN đúng quy định của pháp luật (18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ).

3.1.7. Hồ sơ chấm dứt hưởng TCTN, hủy hưởng TCTN đúng quy định của pháp luật.

3.1.8. Trung tâm đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng kinh phí quản lý BHTN.

3.1.9. Đã bố trí nhân sự, cơ sở vật chất đảm bảo để tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người hưởng BHTN; hàng tuần Trung tâm tổ chức phiên giao dịch việc làm tại sàn giao dịch việc làm trực tiếp cho người lao động, người sử dụng lao động có nhu cầu.

3.1.10. Trung tâm đã tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho toàn bộ người lao động có nhu cầu tư vấn.

3.1.11. Đã tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị HTHN và ban hành quyết định HTHN cho 100% người lao động đề nghị hỗ trợ, đủ điều kiện học nghề.

3.1.12. Công tác thanh tra, kiểm tra về BHTN được lồng ghép hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động, BHXH của Sở.

3.2. Những quy định của pháp luật về BHTN chưa được Sở và Trung tâm thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

3.2.1. Trong thời kỳ thanh tra, Sở không tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản triển khai về thực hiện chính sách pháp luật về BHTN khi Trung ương ban hành các chính sách mới như: Bộ luật Lao động 2019, Nghị định 61, Quyết định 17.

3.2.2. Quy chế phối hợp số 359/QĐPH-SLĐTBXH-BHXH ngày 01/4/2016 giữa Sở với BHXH tỉnh về thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN có nhiều nội dung không còn phù hợp với quy định hiện hành, cần phải sửa đổi, bổ sung và thay thế.

3.2.3. Tại mục ngày thông báo tìm kiếm việc làm tháng thứ nhất tại Phụ lục đính kèm Quyết định hưởng TCTN ghi chưa đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư 28.

3.2.4. Thời hạn ban hành quyết định tiếp tục hưởng TCTN của một số trường hợp (Quyết định số 4830/QĐ-SLĐTBXH-TCTN ngày 22/7/2021 và Quyết định số 8321/QĐ-SLĐTBXH-TCTN ngày 16/11/2021 của Sở) quá 02 ngày làm việc so với thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 28.

3.2.5. Chưa thực hiện lưu công văn gửi BHXH tỉnh tại hồ sơ chuyển hưởng TCTN về địa phương để tiện cho việc theo dõi, tra cứu các thông tin liên quan đến việc hưởng TCTN.

3.2.6. Chưa thực hiện thu hồi tiền hưởng TCTN không đúng quy định của 15 người (*phụ lục 1*) với tổng số tiền là 166.424.288 đồng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 61.

3.2.7. Mức HTHN lái xe B2 đối với 59 người lao động (*phụ lục 2*) và bà Chu Thị Mai học nghề chăm sóc da không phù hợp với thời gian khóa đào tạo nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định 77 và khoản 1 Điều 3 Quyết định 17.

3.2.8. Quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo Quyết định số 13/QĐ-TTĐVVL ngày 23/3/2021: Tại khoản 3 Điều 4 Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm có nội dung: “Căn cứ vào tổng mức tiền lương 0,8 của 18 định suất BHTN được Cục Việc làm giao và các nguồn kinh phí được cấp. Giám đốc Trung tâm quyết định mức chi tiền lương đặc thù thường xuyên hàng tháng cho cán bộ hưởng lương từ nguồn kinh phí BHTN, cán bộ thực hiện công tác BHTN... theo phân công nhiệm vụ” là không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 51/2018/QĐ-TTg ngày 25/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2019-2021 (sau đây viết tắt là Quyết định 51).

3.2.9. Trung tâm chi lương đặc thù cho người lao động thực hiện chính sách BHTN bằng 0,3 lần lương cơ bản + phụ cấp chức vụ là không đúng quy định theo điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định 51.

4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không

5. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu Giám đốc Sở khắc phục, chỉ đạo Trung tâm khắc phục thiếu sót như sau:

1. Khắc phục thiếu sót nêu tại tiết 3.2.3, 3.2.4, 3.2.5 điểm 3.2 khoản 3 Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.

2. Thiếu sót nêu tại tiết 3.2.7 điểm 3.2 khoản 3 Kết luận thanh tra này: thực hiện rà soát, kiểm tra thời gian học nghề để điều chỉnh mức HTHN đầy đủ cho người lao động đảm bảo đúng theo quy định tại Quyết định 77 và Quyết định 17.

3. Thiếu sót nêu tại tiết 3.2.8, 3.2.9 điểm 3.2 khoản 3 Kết luận thanh tra này: thực hiện sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện chi lương đặc thù cho

người lao động thực hiện chính sách BHTN theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định 51.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra phải khắc phục xong các thiếu sót tại tiết 3.2.1, 3.2.2 và 3.2.6 điểm 3.2 khoản 3 Kết luận thanh tra này.

Hết thời hạn nêu trên, Giám đốc Sở phải báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện các kiến nghị về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội)./A

Nơi nhận: 

- Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Ninh (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Cục Việc làm (để p/h);
- Công TTĐT Bộ; trang TTĐTTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Đàm Thị Minh Thu

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP SAI CÒN PHẢI THU HỒI

TT	Họ và tên	Ngày Sinh	Giới tính	Số số BHXH	Số Quyết định TCTN	Ngày Quyết định TCTN	Ngày ký hợp đồng	Số quyết định thu hồi	Số tháng thu hồi	Số tiền thu hồi (đồng)
Năm 2021										
1	Nguyễn Bá Đoàn	20/06/1979	Nam	2714029928	5516	16/09/2015	13/08/2015	14	02	3.560.000
2	Hoàng Thanh Tú	27/02/1988	Nam	2709017472	4764	13/10/2014	07/07/2014	18	06	31.507.200
3	Hoàng Thu Hoài	11/08/1999	Nữ	2020107907	2740	27/05/2020	11/03/2020	22	03	7.791.000
4	Hứa Thị Phương Huyền	27/07/1993	Nữ	2717113583	439	17/01/2019	01/12/2018	27	03	7.781.400
5	Lưu Văn Tý	03/06/1984	Nam	4026155534	6576	07/09/2021	04/09/2021	51	01	3.180.000
6	Đào Hải Yến	05/04/1982	Nữ	3808005807	1965	04/05/2018	01/04/2018	07	04	21.956.800
7	La Văn Quỳnh	23/11/1989	Nam	2717114223	7060	04/09/2020	20/08/2021	69	01	3.150.000
Năm 2022										
1	Dương Thị Khúc	20/04/2000	Nữ	2020399455	5552	06/08/2021	29/07/2021	02	01	3.256.000
2	Nguyễn Văn Thành	07/04/1988	Nam	2714001206	1180	15/03/2018	12/03/2018	07	03	10.440.000

3	Đỗ Quang Tình	26/04/1987	Nam	2710035299	4195	21/11/2013	12/11/2013	21	02	4.200.000
4	Nguyễn Hoàng Sơn	05/05/1982	Nam	2712017654	1226	05/05/2014	21/04/2014	27	03	4.740.000
5	Lại Thị Tuyên	23/01/1990	Nữ	2708020423	2929	15/07/2014	06/07/2014	26	06	14.564.928
6	Nguyễn Thị Hiền	13/06/1990	Nữ	2711010765	4955	27/08/2015	28/05/2015	40	02	4.570.000
7	Nguyễn Thị Duyên	22/09/1992	Nữ	2713019667	5335	16/08/2016	22/06/2016	42	03	6.600.000
8	Nguyễn Anh Đức	22/12/1987	Nam	0110045470	875	07/04/2014	01/04/2014	24	06	39.126.960
Tổng: 15 người										166.424.288

DANH SÁCH HỖ TRỢ THIẾU NGƯỜI HỌC NGHỀ LÁI XE Ô TÔ B2

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số Quyết định	Số số BHXH	Số tháng hưởng TCTN (tháng)	Ngày bắt đầu được HTHN	Ngày bé giảng	Số tháng HTHN (tháng)	Mức HTHN (đồng/khóa)	Mức hỗ trợ học nghề thiếu (đồng)
Năm 2021											
1	Nguyễn Ngọc Cương	06/10/1988	Nam	1	2713016594	7	07/01/2021	10/4/2021	03	3.000.000	1.000.000
2	Nguyễn Ngọc Tam	13/02/1987	Nam	2	2713037182	6	07/01/2021	10/4/2021	03	3.000.000	1.000.000
3	Đặng Hoàng Hà	11/11/1980	Nam	3	0107090265	11	07/01/2021	10/4/2021	03	3.000.000	1.000.000
4	Nguyễn Đức Trường	02/04/1982	Nam	21	0107082002	10	27/03/2021	30/6/2021	03	3.000.000	1.000.000
5	Tạ Thị Mỹ	29/08/1994	Nữ	24	2712070717	07	09/04/2021	11/7/2021	03	3.000.000	1.000.000
6	Ngô Đức Lộc	10/01/1988	Nam	25	2714003418	06	09/04/2021	11/7/2021	03	3.000.000	1.000.000
7	Hoàng Văn Sơn	09/09/1973	Nam	26	2716091711	04	09/04/2021	11/7/2021	03	3.000.000	1.000.000
8	Vũ Văn Thuận	08/07/1986	Nam	27	2710030141	3	14/04/2021	16/7/2021	03	3.000.000	1.000.000
9	Đào Tiến Định	12/02/1987	Nam	33	2712027809	08	07/05/2021	12/10/2021	03	3.000.000	1.000.000
10	Vũ Thị Loan	25/02/1988	Nữ	34	2711013960	07	07/05/2021	12/10/2021	03	3.000.000	1.000.000

11	Cao Thị Quỳnh	19/09/1984	Nữ	35	0108024747	09	07/05/2021	12/10/2021	03	3.000.000	1.000.000
12	Trần Minh Hiếu	16/06/1998	Nam	36	2521462055	03	07/05/2021	12/10/2021	03	3.000.000	1.000.000
13	Nguyễn Thị Duyên	26/11/1998	Nữ	43	2720911770	3	13/11/2021	14/2/2022	03	4.500.000	750.000
14	Nguyễn Xuân Thu	26/03/1981	Nữ	44	8507014633	9	13/11/2021	22/3/2022	03	4.500.000	750.000
15	Trần Văn Giang	29/10/1978	Nam	45	0109018891	12	13/11/2021	22/3/2022	03	4.500.000	750.000
16	Nguyễn Thị Liễu	05/11/1981	Nữ	46	0204264965	3	13/11/2021	22/3/2022	03	4.500.000	750.000
17	Đặng Trần Thanh	13/12/1980	Nam	47	2714037539	10	14/12/2021	17/3/2022	03	4.500.000	750.000
18	Phạm Thanh Tuấn	22/06/1989	Nam	48	2717013495	6	14/12/2021	17/3/2022	03	4.500.000	750.000
19	Vương Đình Nguyễn	08/09/1994	Nam	49	2721808333	3	14/12/2021	17/3/2022	03	4.500.000	750.000
20	Nguyễn Thị Hạnh	05/05/1991	Nữ	50	2715029616	5	14/12/2021	17/3/2022	03	4.500.000	750.000
21	Trịnh Thị Minh Thúy	28/08/1993	Nữ	51	2713016299	5	14/12/2021	17/3/2022	03	4.500.000	750.000
22	Nguyễn Đức Trinh	09/09/1992	Nam	52	2714073916	6	14/12/2021	17/3/2022	03	4.500.000	750.000
23	Đình Văn Quỳnh	14/06/1991	Nam	53	2714030293	7	14/12/2021	17/3/2022	03	4.500.000	750.000
Năm 2022											
1	Nguyễn Thị Quỳnh	18/09/1988	Nữ	01	2709005497	11	13/01/2022	16/04/2022	03	4.500.000	750.000
2	Nguyễn Thị Cúc	17/02/1989	Nữ	02	7913207780	04	13/01/2022	16/04/2022	03	4.500.000	750.000

3	Bàn Văn Tuyền	14/12/1993	Nam	03	2715022549	06	13/01/2022	16/04/2022	03	4.500.000	750.000
4	Đông Thị Yên	18/07/1989	Nữ	04	2710042807	09	13/01/2022	16/04/2022	03	4.500.000	750.000
5	Vũ Ngọc Anh	21/01/1988	Nam	07	0116103216	03	26/01/2022	29/04/2022	03	4.500.000	750.000
6	Trịnh Thị Hằng	04/11/1990	Nữ	08	2712002870	05	26/01/2022	29/04/2022	03	4.500.000	750.000
7	Phạm Thị Thu	22/04/1988	Nữ	09	0111059940	08	26/01/2022	29/04/2022	03	4.500.000	750.000
8	Nguyễn Thị Máy	14/08/1990	Nữ	10	2721010262	03	26/01/2022	29/04/2022	03	4.500.000	750.000
9	Dương Thế Thọ	04/06/1979	Nam	11	2713011554	08	09/02/2022	11/05/2022	03	4.500.000	750.000
10	Lê Thị Thành	30/06/1986	Nữ	12	0109128525	10	09/02/2022	11/05/2022	03	4.500.000	750.000
11	Đặng Thị Ánh Tuyết	20/06/1989	Nữ	13	2717067450	03	09/02/2022	11/05/2022	03	4.500.000	750.000
12	Khúc Cao Quý	16/02/1993	Nam	14	7916164343	05	09/02/2022	11/05/2022	03	4.500.000	750.000
13	Phạm Thị Lý	01/12/1984	Nữ	15	8507001199	11	09/02/2022	11/05/2022	03	4.500.000	750.000
14	Lê Thị Ngọc Diễm	21/12/1994	Nữ	16	2716101772	03	09/02/2022	11/05/2022	03	4.500.000	750.000
15	Cao Thị Tường	28/12/1991	Nữ	20	2712029688	09	27/02/2022	31/05/2022	03	4.500.000	750.000
16	Phùng Mạnh Hồng	26/07/1992	Nam	21	3116019246	05	27/02/2022	31/05/2022	03	4.500.000	750.000

17	Nguyễn Văn Sáng	16/10/1982	Nam	22	3012041506	09	27/02/2022	31/05/2022	03	4.500.000	750.000
18	Nguyễn Thị Hương	24/07/1990	Nữ	23	2710029599	08	27/02/2022	31/05/2022	03	4.500.000	750.000
19	Trần Thị Thùy Linh	15/01/1987	Nữ	29	3015042179	06	14/04/2022	16/07/2022	03	4.500.000	750.000
20	Phạm Quyết Tiến	13/07/1984	Nam	30	2721190174	03	14/04/2022	16/07/2022	03	4.500.000	750.000
21	Bùi Văn Khanh	17/04/1986	Nam	31	1720594607	03	14/04/2022	16/07/2022	03	4.500.000	750.000
22	Nguyễn Mạnh Tuấn	03/06/1991	Nam	32	0116206645	03	14/04/2022	16/07/2022	03	4.500.000	750.000
23	Nguyễn Thị Thanh Hương	04/07/1990	Nữ	33	2715058376	05	14/04/2022	16/07/2022	03	4.500.000	750.000
24	Nguyễn Đắc Cường	03/11/1994	Nam	34	1916804894	05	14/04/2022	16/07/2022	03	4.500.000	750.000
25	Ngô Thị Phương	01/06/1988	Nữ	35	2713028243	05	14/04/2022	16/07/2022	03	4.500.000	750.000
26	Nguyễn Văn Diệt	10/09/1991	Nam	36	2715061724	03	12/05/2022	13/08/2022	03	4.500.000	750.000
27	Nguyễn Thị Diệu	02/08/1993	Nữ	37	2720405116	03	12/05/2022	13/08/2022	03	4.500.000	750.000
28	Nguyễn Thị Kim Ngân	11/10/1993	Nữ	38	2714065130	03	12/05/2022	13/08/2022	03	4.500.000	750.000
29	Nguyễn Kim Anh	26/02/1993	Nữ	39	2716042035	04	12/05/2022	13/08/2022	03	4.500.000	750.000
30	Nguyễn Đắc Hiếu	11/01/1989	Nam	40	2711017474	10	12/05/2022	13/08/2022	03	4.500.000	750.000
31	Trần Văn Minh	19/11/1986	Nam	45	3010016732	08	03/06/2022	04/09/2022	03	4.500.000	750.000

32	Nguyễn Thị Trang	01/04/1994	Nữ	46	2716082787	03	03/06/2022	04/09/2022	03	4.500.000	750.000
33	Nguyễn Văn Tâm	20/05/1991	Nam	47	2721236262	03	03/06/2022	04/09/2022	03	4.500.000	750.000
34	Nguyễn Thị Kim Anh	11/01/1996	Nữ	48	2721911971	03	03/06/2022	04/09/2022	03	4.500.000	750.000
35	Nguyễn Thế Dũng	14/10/1993	Nam	49	2715088966	04	03/06/2022	04/09/2022	03	4.500.000	750.000
36	Nguyễn Thực Tuấn	25/02/1994	Nam	50	2720116376	03	03/06/2022	04/09/2022	03	4.500.000	750.000
	Tổng: 59 người										47.250.000

